

**BỘ THÔNG TIN VÀ
TRUYỀN THÔNG**

Số: 1230/QĐ-BTTTT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 10 tháng 07 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

BAN HÀNH KHUNG TIÊU CHÍ VÀ QUY TRÌNH XÉT DUYỆT, CÔNG NHẬN, CÔNG BỐ VÀ THU HỒI CÔNG NHẬN NỀN TẢNG SỐ QUỐC GIA THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 186/QĐ-BTTTT NGÀY 11 THÁNG 02 NĂM 2022

BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Nghị định số 48/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định 186/QĐ-BTTTT ngày 11 tháng 02 năm 2022 phê duyệt Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kinh tế số và Xã hội số.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Khung tiêu chí và quy trình xét duyệt, công nhận, công bố và thu hồi công nhận nền tảng số quốc gia theo Quyết định số 186/QĐ-BTTTT ngày 11 tháng 02 năm 2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Kinh tế số và Xã hội số và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (đề b/c);
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ;
- Bộ trưởng Thông tin và Truyền thông (đề b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Huy Dũng;
- Các Hội, Hiệp hội: VINASA, VNISA, VDCA, VAIP;
- Lưu: VT, KTS&XHS.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Huy Dũng

PHỤ LỤC

**KHUNG TIÊU CHÍ VÀ QUY TRÌNH XÉT DUYỆT NỀN TẢNG SỐ QUỐC GIA THEO
QUYẾT ĐỊNH SỐ 186/QĐ-BTTTT NGÀY 11 THÁNG 02 NĂM 2022**
*(Kèm theo Quyết định số 1230/QĐ-BTTTT ngày 10/07/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và
Truyền thông)*

1. Mục tiêu

- Xây dựng bộ tiêu chí kỹ thuật, phi kỹ thuật để xét duyệt, công nhận các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số.
- Xây dựng quy trình và tổ chức thực hiện xét duyệt, công nhận các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số.

2. Khái niệm

a) Nền tảng số

Nền tảng số trong Quyết định này được hiểu là hệ thống thông tin có một số đặc điểm như sau:

- Là tập hợp phần cứng, phần mềm và cơ sở dữ liệu được thiết lập với chức năng, tính năng chính để phục vụ giao dịch điện tử, bảo đảm tính xác thực, tin cậy trong các giao dịch điện tử.
- Tạo môi trường điện tử cho phép các bên thực hiện giao dịch hoặc cung cấp, sử dụng sản phẩm, dịch vụ hoặc sử dụng để phát triển sản phẩm, dịch vụ.
- Giải quyết các bài toán cụ thể của chuyển đổi số, tạo lập và lưu trữ dữ liệu người dùng, càng có nhiều người sử dụng thì dữ liệu càng nhiều, chi phí càng rẻ, giá trị tạo ra càng lớn.
- Có thể sử dụng ngay, đơn giản, thuận tiện, linh hoạt theo yêu cầu, dễ dàng phổ biến trên diện rộng, các bên tham gia không cần tự đầu tư, quản lý, vận hành, duy trì.

b) Các tiêu chí nền tảng

- Các tiêu chí kỹ thuật đặc trưng của nền tảng số: về hạ tầng và khả năng cung cấp dịch vụ của nền tảng.

- Các tiêu chí bảo đảm an toàn thông tin mạng: về phê duyệt hồ sơ cấp độ và triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ đã được phê duyệt.

c) Các tiêu chí nền tảng số quốc gia

Nền tảng số quốc gia theo Quyết định 186/QĐ-BTTTT ngày 11 tháng 2 năm 2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông là nền tảng số với các đặc điểm tại Khoản b, Điều này, bổ sung thêm một số nhóm tiêu chí như sau:

- Các tiêu chí yêu cầu chức năng, tính năng: về các chức năng, tính năng đáp ứng yêu cầu nghiệp vụ của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tham gia sử dụng nền tảng.

- Tiêu chí về mức độ người dùng phổ biến;

- Tiêu chí về doanh nghiệp nòng cốt (doanh nghiệp phát triển, vận hành nền tảng số quốc gia);

- Tiêu chí về mô hình cung cấp dịch vụ bảo đảm lợi ích cho người dân, doanh nghiệp và hỗ trợ quản lý của cơ quan nhà nước.

3. Khung tiêu chí xét duyệt nền tảng số tham gia vào Chương trình chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa

| | Nhóm tiêu chí / Tiêu chí | Mô tả / Ghi chú | Kết quả đánh giá |
|-----------|--|---|-------------------------|
| 1. | <i>Nhóm tiêu chí kỹ thuật của nền tảng số</i> | | |
| 1.1. | Hạ tầng điện toán đám mây, có khả năng mở rộng theo nhu cầu sử dụng. | <p>Có thể là nền tảng đám mây công cộng (public) hoặc đám mây riêng (private) hoặc đám mây lai (hybrid).</p> <p>“Theo nhu cầu sử dụng” có nghĩa là nền tảng đám mây có thể cấp phát thêm tài nguyên để đáp ứng nhu cầu sử dụng tăng vượt quá ngưỡng đáp ứng của tài nguyên hiện tại mà không gây gián đoạn dịch vụ của nền tảng.</p> <p>Xác định nền tảng có đang chạy trên hạ tầng điện toán đám mây hay không dựa trên công cụ kỹ thuật (nếu có) hoặc dựa trên hồ sơ doanh nghiệp cung cấp.</p> | Đạt / Không đạt |

| | | | |
|----------|---|---|------------------|
| | | <p>Một số gợi ý về tài liệu cung cấp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng thuê dịch vụ nền tảng điện toán đám mây. - Mô tả cấu hình kỹ thuật về hạ tầng điện toán đám mây và các công cụ kỹ thuật khác có liên quan. | |
| 1.2. | Có khả năng cho phép phát triển tính năng mới, thay đổi tính năng mà không cần lập trình hoặc yêu cầu lập trình tối thiểu (<i>no code / low code</i>) | <p>Mô tả về công cụ kỹ thuật thực hiện <i>no code / low code</i>.</p> <p>Mô tả tính năng, chức năng được phát triển dựa trên <i>no code / low code</i>.</p> | Đạt / Không đạt |
| 1.3. | Có khả năng cho phép người dùng cuối tự thay đổi, tùy biến tính năng, quy trình, báo cáo... theo nhu cầu sử dụng thông qua giao diện người dùng (<i>self-service</i>) | Doanh nghiệp cung cấp mô tả các tính năng cho phép người dùng tự phục vụ thông qua giao diện của nền tảng. | Đạt / Không đạt. |
| 1.4. | Có khả năng cung cấp dịch vụ ngay cho người dùng mới. | Trường hợp phổ biến là sử dụng ngay dịch vụ của nền tảng thông qua cung cấp tài khoản sử dụng. | Đạt / Không đạt. |
| 1.5. | Có khả năng cho phép các bên cùng tham gia hoạt động, cung cấp dịch vụ và tiêu dùng dịch vụ | <p>Doanh nghiệp cung cấp thông tin về khả năng tham gia của các bên (đối tác, khách hàng tiềm năng, người dùng tiềm năng...).</p> <p>Một số hình thức tham gia có thể là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng tài khoản để sử dụng nền tảng như một dịch vụ. - Cung cấp API để cho bên thứ ba tham gia tích hợp, phát triển sản phẩm, dịch vụ. | Đạt / Không đạt. |
| 2 | Nhóm tiêu chí về an toàn, an ninh mạng | | |

| | | | |
|---|---|--|------------------|
| 2.1. | Nền tảng là hệ thống thông tin được xây dựng, phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin tối thiểu cấp độ 3 trở lên theo quy định tại Nghị định 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016. | Nền tảng phục vụ doanh nghiệp, xử lý thông tin riêng, thông tin cá nhân của một số lượng lớn người dùng. Đánh giá dựa trên các tài liệu, hồ sơ: - Quyết định phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ 3 trở lên do Cơ quan chủ quản hệ thống phê duyệt. - Báo cáo kiểm tra, đánh giá tình hình triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin đã được phê duyệt. | Đạt / Không đạt. |
| 2.2. | Toàn bộ dữ liệu được lưu trữ tại Việt Nam theo quy định tại Luật An ninh mạng năm 2018 và các văn bản hướng dẫn thi hành. | Sử dụng công cụ kiểm tra máy chủ lưu trữ dữ liệu. | Đạt / Không đạt |
| 3. Các tiêu chí yêu cầu chức năng, tính năng | | | |
| 3.1. | Các tiêu chí về chức năng, tính năng sẽ do Cơ quan chủ quản xây dựng, đánh giá, xét duyệt. | | |
| 4. Nhóm tiêu chí về mức độ người dùng phổ biến | | | |
| 4.1. | Đối tượng sử dụng nền tảng chiếm thị phần chi phối trên thị trường trong lĩnh vực hoạt động. | Tối thiểu đạt 50% thị phần của thị trường tiềm năng. Một số việc cần làm để xác định: - Cần xác định đối tượng sử dụng của nền tảng và quy mô thị trường. - Xác định tỉ lệ đối tượng sử dụng nền tảng trên quy mô thị trường. - So sánh tương quan với các ứng dụng / nền tảng khác cùng phân khúc khách hàng. | Đạt / Không đạt |
| 5. Nhóm tiêu chí về doanh nghiệp nền tảng và các nguồn lực | | | |
| 5.1. | Là doanh nghiệp Việt Nam quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2020. | Là doanh nghiệp được thành lập hoặc đăng ký thành lập theo quy định pháp luật của Việt Nam và có trụ sở chính tại Việt Nam. | Đạt / Không đạt |

| | | | |
|------|--|---|-----------------|
| | | Đánh giá trên giấy đăng ký thành lập doanh nghiệp do doanh nghiệp cung cấp. | |
| 5.2. | Số lượng cổ phần của các cá nhân, tổ chức Việt Nam trong doanh nghiệp chiếm trên 50%. | Áp dụng đối với doanh nghiệp cổ phần. Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, xác định theo tổ chức/ cá nhân đứng đầu/ chủ sở hữu/ đại diện pháp luật của công ty là pháp nhân Việt Nam hoặc công dân Việt Nam. | Đạt / Không đạt |
| 5.3. | Tỉ lệ nhân sự chuyên môn về CNTT / tổng số nhân sự chiếm tối thiểu 30%. | | Đạt / Không đạt |
| 5.4. | Về nguồn lực kỹ thuật, trang thiết bị, máy móc... | Cung cấp thông tin, hồ sơ về các trang thiết bị kỹ thuật, máy móc, phần mềm, hạ tầng... được sử dụng để phát triển và vận hành nền tảng. | Đạt / Không đạt |
| 5.5. | Về nguồn lực tài chính | Cung cấp thông tin, hồ sơ về nguồn lực tài chính để phát triển, thúc đẩy sử dụng nền tảng. Cung cấp thông tin về doanh thu, lợi nhuận của 03 năm gần nhất. | Đạt / Không đạt |
| 5.7. | Cam kết của doanh nghiệp | Cam kết về duy trì tỉ lệ cổ phần do cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam sở hữu đạt tối thiểu 50% trong khoảng thời gian tham gia Chương trình. Cam kết về duy trì nguồn lực đầu tư phát triển, nâng cấp, mở rộng nền tảng. Cam kết tuân thủ các quy định về an toàn, an ninh mạng theo quy định về pháp luật an toàn, an ninh mạng. Cam kết về cung cấp thông tin thống kê số liệu, đăng tải tin bài về nền tảng trên Cổng thông tin nền tảng số quốc gia do Bộ Thông tin và Truyền thông vận hành | Đạt / Không đạt |
| 6. | Nhóm tiêu chí về mô hình dịch vụ bảo đảm lợi ích cho người dân, doanh nghiệp và hỗ trợ hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước | | |

| | | | |
|------|---|---|-----------------|
| 6.1. | Cung cấp miễn phí các tính năng cơ bản cho người dân, doanh nghiệp. | <p>Một nền tảng số quốc gia cung cấp miễn phí các tính năng cơ bản phục vụ người dân, doanh nghiệp.</p> <p>Doanh nghiệp chủ quản nền tảng có thể thu phí dịch vụ đối với các dịch vụ nâng cao.</p> <p>Cơ quan chủ quản cần xác định danh sách tính năng cơ bản để cung cấp cho người dân.</p> | Đạt / Không đạt |
| 6.2 | Cung cấp công cụ quản lý cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phục vụ công tác quản lý, điều hành. | <p>Nền tảng số quốc gia là công cụ hỗ trợ cơ quan nhà nước làm tốt hơn công tác quản lý nhà nước.</p> <p>Cơ quan chủ quản cần xác định yêu cầu quản lý nhà nước mà nền tảng cần đáp ứng.</p> <p>Một số cách thức hỗ trợ có thể bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấp tài khoản xem thông tin trực tiếp trên nền tảng (trừ thông tin cá nhân) và không can thiệp vào quá trình hoạt động của nền tảng. - Cung cấp API kết nối, chia sẻ thông tin tích hợp vào hệ thống quản lý của cơ quan nhà nước. | Đạt / Không đạt |

PHỤ LỤC 2

QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ, CÔNG NHẬN, CÔNG BỐ VÀ THU HỒI CÔNG NHẬN NỀN TẢNG SỐ QUỐC GIA

(Kèm theo Quyết định số 1230/QĐ-BTTTT ngày 10/07/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

1. Khái niệm

Cơ quan chủ quản là một bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân một tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương hoặc một doanh nghiệp chủ trì điều phối, đặt hàng, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông và một số doanh nghiệp nòng cốt để xây dựng và thúc đẩy sử dụng nền tảng số.

Doanh nghiệp nông cốt phát triển nền tảng số quốc gia (Doanh nghiệp nông cốt) là doanh nghiệp Việt Nam đăng ký đầu tư nghiên cứu, làm chủ công nghệ, phát triển nền tảng đạt yêu cầu, tiêu chí của nền tảng số quốc gia đó.

2. Quy trình xét duyệt, công nhận, công bố và thu hồi công nhận nền tảng số quốc gia.

Đối với một nền tảng thuộc Danh mục Nền tảng số quốc gia, Cơ quan chủ quản tương ứng cần thực hiện theo Quy trình 5 bước như sau:

a) Bước 1: Xây dựng Ban hành tiêu chí Nền tảng số quốc gia

Trên cơ sở khung tiêu chí cơ bản tại Phụ lục 1 của Quyết định này, Cơ quan chủ quản cụ thể hóa các tiêu chí bảo đảm phù hợp với tính chất của nền tảng. Đối với một số tiêu chí định lượng (tiêu chí 4.1, 5.7 tại Phụ lục 1 của Quyết định này), cơ quan chủ quản có thể xem xét quy định khác, nhưng không thấp hơn ngưỡng tối thiểu được ban hành tại quy định này.

Đồng thời, Cơ quan chủ quản bổ sung thêm các tiêu chí về tính năng, nghiệp vụ chuyên ngành mà nền tảng quốc gia trong lĩnh vực đó cần đáp ứng (nhóm tiêu chí 3 tại Phụ lục 1 của Quyết định này).

Bộ tiêu chí do Cơ quan chủ quản ban hành trên cơ sở tham khảo ý kiến của Bộ Thông tin và Truyền thông và các bộ, ngành, cơ quan liên quan.

b) Bước 2: Tổ chức đánh giá đáp ứng tiêu chí và cấp giấy chứng nhận

Trên cơ sở bộ tiêu chí nền tảng số đã được phê duyệt, Cơ quan chủ quản chủ trì tổ chức đánh giá đáp ứng đối với nền tảng do doanh nghiệp nông cốt đăng ký. Hình thức đánh giá có thể dựa trên cơ sở thành lập Hội đồng hoặc Nhóm chuyên gia hoặc thuê đơn vị có năng lực để đánh giá.

Trong trường hợp nền tảng số đáp ứng tiêu chí nền tảng số quốc gia, Cơ quan chủ quản cấp Giấy chứng nhận công nhận nền tảng số quốc gia, với thời gian công nhận là 01 năm từ ngày Giấy chứng nhận có hiệu lực. Đồng thời, gửi đề nghị tới Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức công bố nền tảng số quốc gia.

Việc cấp lại Giấy chứng nhận công nhận nền tảng số quốc gia được thực hiện trong trường hợp Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hư hỏng.

c) Bước 3: Tổ chức công bố nền tảng số quốc gia

Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp với Cơ quan chủ quản tổ chức công bố Nền tảng số quốc gia, đăng tải thông tin về nền tảng trên Cổng thông tin nền tảng số quốc gia và các phương tiện truyền thông đại chúng.

d) Bước 4: Định kỳ đánh giá

Cơ quan chủ quản định kỳ hàng năm rà soát, cập nhật tiêu chí và tổ chức đánh giá lại với các nền tảng số quốc gia đã được công bố.

đ) Bước 5: Thu hồi quyết định

Trong trường hợp nền tảng số quốc gia đã được công bố không còn đáp ứng tiêu chí nền tảng số quốc gia, Cơ quan chủ quản (cơ quan ra quyết định công bố nền tảng quốc gia) ra quyết định thu hồi quyết định đã công bố trước đó.